UBND TỈNH KON TUM **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01 /KL-SNN	*Kon Tum, ngày 27 tháng 02 năm 2023*

KẾT LUẬN THANH TRA
Về việc thanh tra hành chính tại Trung tâm Khuyến nông tỉnh Kon Tum

Thực hiện Quyết định số: 652/QĐ-SNN, ngày 28/11/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum về việc Thanh tra hành chính tại Trung tâm Khuyến nông tỉnh Kon Tum từ ngày 06/12/2022 đến ngày 31/01/2023. Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Trung tâm Khuyến nông.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 04/BC-ĐTT-QĐ652 ngày 08/02/2023 của Trưởng đoàn thanh tra, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum kết luận thanh tra như sau:

PHẦN THỨ NHẤT
KHÁI QUÁT CHUNG

Trung tâm Khuyến nông tỉnh Kon Tum được tổ chức lại trên cơ sở sáp nhập 2 đơn vị Trung tâm giống cây trồng vật nuôi thủy sản và Trung tâm Khuyến nông *(Quyết định số: 423/QĐ-UBND, ngày 24/08/2018 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc tổ chức lại Trung tâm Khuyến nông trực thuộc sở Nông nghiệp &PTNT tỉnh Kon tum).*

1. Vị trí, chức năng:

Thực hiện theo Điều 1, Khoản 2 Quyết định số 423/QĐ-UBND, ngày 24/8/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc Tổ chức lại Trung tâm Khuyến nông trực thuộc Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum.

- Trung tâm Khuyến nông là tổ chức sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giúp Giám đốc Sở tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành và tổ chức thực thi pháp luật về khuyến nông trên địa bàn tỉnh.

- Trung tâm Khuyến nông chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; đồng thời, chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát về chuyên môn, nghiệp vụ của Trung tâm Khuyến nông Quốc gia.

- Trung tâm Khuyến nông tỉnh có tư cách pháp nhân, có trụ sở, con dấu, tài khoản riêng, có kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước cấp theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn được giao:

Thực hiện theo Điều 1, Khoản 3 Quyết định số 423/QĐ-UBND, ngày 24/8/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc Tổ chức lại Trung tâm Khuyến nông trực thuộc Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum.

Triển khai các hoạt động Khuyến nông về lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, chế biến, bảo quản, nông, lâm thủy sản và phát triển nông thôn. Sản xuất giống nông, lâm nghiệp và thủy sản, tiếp nhận cung ứng công nghệ mới, chuyển giao công nghệ sản xuất giống trên địa bàn.

Đề xuất Giám đốc Sở về chính sách, chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn, 5 năm và hàng năm, các chương trình, dự án, các văn bản quy phạm pháp luật về khuyến nông trên địa bàn. Xây dựng, trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chương trình, kế hoạch, dự án khuyến nông tại địa phương. Tổ chức thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ký hợp đồng khuyến nông với các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. Chủ trì thực hiện một số chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông theo phân công của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chương trình, dự án khuyến nông theo quy định của pháp luật. Hướng dẫn về nội dung, phương pháp hoạt động khuyến nông cho các cơ quan, đơn vị tham gia hoạt động khuyến nông. Chủ trì xây dựng chương trình, tài liệu hướng dẫn khuyến nông; tổ chức tập huấn kỹ thuật, nghiệp vụ cho cán bộ, cộng tác viên khuyến nông các cấp và nông dân. Tổ chức hoạt động thông tin tuyên truyền về khuyến nông theo quy định của pháp luật. Tổ chức và tham gia tổ chức các hội thi, hội thảo, hội chợ, triển lãm, diễn đàn, tham quan học tập, trao đổi kinh nghiệm về khuyến nông. Tư vấn và cung cấp dịch vụ khuyến nông theo quy định của pháp luật. Tham gia đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn trên địa bàn theo phân công của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và quy định pháp luật....

3. Tổ chức, bộ máy:

Thực hiện theo Điều 1, Khoản 4 Quyết định số 423/QĐ-UBND, ngày 24/8/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc Tổ chức lại Trung tâm Khuyến nông trực thuộc Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum.

Trung tâm có 04 phòng chuyên môn: Phòng Hành chính tổng hợp; Phòng Kỹ thuật và chuyển giao công nghệ; Phòng Thông tin huấn luyện; Phòng Khảo nghiệm giống nông lâm nghiệp và dịch vụ.

+ Lãnh đạo Trung tâm: có 01 Giám đốc, 02 Phó Giám đốc

+ Biên chế được giao: 19, trong đó; 18 viên chức và 01 hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000 (lái xe).

PHẦN THỨ HAI
KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

A. KIỂM TRA HỒ SƠ

Kết quả thanh tra, đối chiếu, xác nhận số liệu hồ sơ, sổ sách thuộc niên độ từ 01/01/2018 đến 31/12/2021 tại Trung tâm Khuyến nông, cụ thể:

I. Tình hình hoạt động tài chính giai đoạn năm 2018-2021:

- Giới hạn kiểm tra:

+ Niên độ năm 2018-2019, Trung tâm Khuyến nông đã được Thanh tra tỉnh Kon Tum tiến hành thanh tra theo Quyết định số 60/QĐ-TTr ngày 11/6/2020 của Chánh Thanh tra tỉnh Kon Tum. Kết quả thanh tra niên độ năm 2018-2019 tại Trung tâm đã được kết luận tại Kết luận số 04/KL-TTr ngày 20/11/2020 của Chánh Thanh tra tỉnh Kon Tum.

Việc tổ chức thực hiện Kết luận Thanh tra số 04/KL-TTr ngày 20/11/2020 của Thanh tra tỉnh đã được Trung tâm Khuyến nông thực hiện nghiêm chỉnh, đúng quy định. *(Công tác niêm yết, công khai kết luận thanh tra, họp cơ quan để nêu lên những tồn tại cần khắc phục; trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan cần rút kinh nghiệm cho những tồn tại đã nêu trong kết luận)*

+ Niên độ năm 2020, Trung tâm Khuyến nông đã được Kiểm toán Nhà nước Khu vực XII kiểm toán ngân sách địa phương kiểm tra. Kết quả kiểm tra niên độ năm 2020 đã được nêu tại Báo cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Kon Tum và kết quả kiểm toán tại Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Biên bản đối chiếu số liệu với Trung tâm Khuyến nông. Cụ thể đối với Trung tâm Khuyến nông là Thông báo kết luận, kiến nghị số 121/TB-TB-KV XII ngày 25/6/2021.

Kiến nghị của kiểm toán đã được Trung tâm Khuyến nông cũng như các bộ phận có liên quan rút kinh nghiệm, điều chỉnh khắc phục theo đúng với nội dung Thông báo kết luận của Kiểm toán Nhà nước.

1. Nguồn kinh phí tự chủ năm 2020-2021:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Số liệu của đơn vị	Số liệu thanh tra	Chênh lệch
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5) = (3) - (4)*
1	***Năm 2020***	**1.960.000.000**	**1.960.000.000**	-
-	Kinh phí năm trước chuyển sang	0	0	-
-	Kinh phí được giao trong năm	1.960.000.000	1.960.000.000	-
-	Kinh phí được sử dụng trong năm	1.960.000.000	1.960.000.000	-
-	Kinh phí thực rút tại Kho bạc trong năm	1.960.000.000	1.960.000.000	-
-	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	1.960.000.000	1.960.000.000	-
-	Kinh phí được chuyển sang năm sau	0	0	-

-	Kinh phí bị hủy	0	0	-
2	***Năm 2021***	**1.984.700.000**	**1.984.700.000**	**-**
-	Kinh phí năm trước chuyển sang	0	0	-
-	Kinh phí được giao trong năm	1.984.700.000	1.984.700.000	-
-	Kinh phí được sử dụng trong năm	1.984.700.000	1.984.700.000	-
-	Kinh phí thực rút tại Kho bạc trong năm	1.984.700.000	1.984.700.000	-
-	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	1.984.700.000	1.984.700.000	-
-	Kinh phí được chuyển sang năm sau	0	0	-
-	Kinh phí bị hủy	0	0	-

2. Nguồn kinh phí không tự chủ từ năm 2020-2021:

2.1. Chi hoạt động khuyến nông thường xuyên năm 2021:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Số liệu của đơn vị	Số liệu thanh tra	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3) - (4)
1	***Năm 2021***			
-	Kinh phí năm trước chuyển sang	0	0	-
-	Kinh phí được giao trong năm	2.829.000.000	2.829.000.000	-
-	Kinh phí được sử dụng trong năm	2.829.000.000	2.829.000.000	-
-	Kinh phí thực rút tại Kho bạc trong năm	2.779.001.500	2.779.001.500	-
-	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	2.779.001.500	2.779.001.500	-
-	Kinh phí hủy bỏ	49.998.500	49.998.500	-

**** Ghi chú:*** Kinh phí được giao trong năm thực hiện các nội dung như: Hoạt động tuyên truyền trên báo, đài; Tập huấn kỹ thuật các lớp chuyên đề; Xây dựng mô hình lúa VietGap; Xây dựng mô hình đẳng sâm (sâm dây); Xây dựng mô hình thâm canh mít thái; Xây dựng mô hình trồng thâm canh cây chuối nuôi cấy mô; Xây dựng mô hình nuôi cá rô phi ProGift trong ao; Xây dựng mô hình nuôi cá rô phi ProGift trong lồng; Xây dựng mô hình thâm canh cây Dứa Cayen; Xây dựng mô hình chăn nuôi phòng chống đói rét cho đàn trâu, bò và chi phí quản lý các hoạt động sự nghiệp khuyến nông.

2.2. Kinh phí Đề án Cà phê xứ lạnh năm 2020:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Số liệu của đơn vị	Số liệu thanh tra	Chênh lệch

(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3) - (4)
1	***Năm 2020***			
-	Kinh phí năm trước chuyển sang	0	0	-
-	Kinh phí được giao trong năm	419.000.000	419.000.000	-
-	Kinh phí được sử dụng trong năm	419.000.000	419.000.000	-
-	Kinh phí thực rút tại Kho bạc trong năm	418.253.095	418.253.095	-
-	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	418.253.095	418.253.095	-
-	Kinh phí hủy bỏ	746.905	746.905	-

**** Ghi chú:*** Kinh phí được giao trong năm thực hiện nội dung tổ chức tập huấn chăm sóc, thu hoạch cà phê chè.

2.3. Kinh phí hoạt động đối ngoại Lào năm 2020-2021:

Đơn vị tính: Đồng

TT	**Nội dung**	**Số liệu của đơn vị**	**Số liệu thanh tra**	**Chênh lệch**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3) - (4)
1	**Năm 2020**			
-	Kinh phí năm trước chuyển sang	0	0	-
-	Kinh phí được giao trong năm	233.000.000	233.000.000	-
-	Kinh phí được sử dụng trong năm	233.000.000	233.000.000	-
-	Kinh phí thực rút tại Kho bạc trong năm	29.615.200	29.615.200	-
-	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	29.615.200	29.615.200	-
-	Kinh phí còn tồn, huỷ bỏ	203.384.800	203.384.800	-
2	**Năm 2021**			
-	Kinh phí năm trước chuyển sang	0	0	-
-	Kinh phí được giao trong năm	44.000.000	44.000.000	-
-	Kinh phí được sử dụng trong năm	44.000.000	44.000.000	-
-	Kinh phí thực rút tại Kho bạc trong năm	43.305.000	43.305.000	-
-	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	43.305.000	43.305.000	-
-	Kinh phí còn tồn, huỷ bỏ	695.000	695.000	-

**** Ghi chú:*** Kinh phí được giao thực hiện nội dung hướng dẫn kỹ thuật, hỗ trợ gieo ươm giống, chăm sóc cây cà phê, phân bón.

2.4. Kinh phí hoạt động thủy sản, giống năm 2020:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Số liệu của đơn vị	Số liệu thanh tra	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3) - (4)
1	***Năm 2020***			
-	Kinh phí năm trước chuyển sang	0	0	-
-	Kinh phí được giao trong năm	90.000.000	90.000.000	-
-	Kinh phí được sử dụng trong năm	90.000.000	90.000.000	-
-	Kinh phí thực rút tại Kho bạc trong năm	89.662.500	89.662.500	-
-	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	89.662.500	89.662.500	-
-	Kinh phí hủy bỏ	337.500	337.500	-

**** Ghi chú:*** Kinh phí được giao trong năm thực hiện nội dung hỗ trợ giống lúa chất lượng cao HT1.

2.5. Kinh phí Đề án dược liệu năm 2020-2021:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Số liệu của đơn vị	Số liệu thanh tra	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3) - (4)
1	**Năm 2020**			
-	Kinh phí năm trước chuyển sang	0	0	-
-	Kinh phí được giao trong năm	585.000.000	585.000.000	-
-	Kinh phí được sử dụng trong năm	585.000.000	585.000.000	-
-	Kinh phí thực rút tại Kho bạc trong năm	543.145.000	543.145.000	-
-	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	543.145.000	543.145.000	-
-	Kinh phí còn tồn, huỷ bỏ	41.855.000	41.855.000	-
2	**Năm 2021**			
-	Kinh phí năm trước chuyển sang	0	0	-
-	Kinh phí được giao trong năm	900.000.000	900.000.000	-
-	Kinh phí được sử dụng trong năm	900.000.000	900.000.000	-
-	Kinh phí thực rút tại Kho bạc trong năm	884.720.000	884.720.000	-
-	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	884.720.000	884.720.000	-
-	Kinh phí còn tồn, huỷ bỏ	15.280.300	15.280.300	-

**** Ghi chú:*** Kinh phí được giao thực hiện nội dung hướng dẫn kỹ thuật, hỗ trợ giống đẳng sâm (sâm dây) và phân bón.

3. Nhận xét, đánh giá tình hình hoạt động tài chính:

3.1. Chế độ kế toán:

- Đơn vị áp dụng theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

- Đơn vị đã chấp hành tốt theo chế độ kế toán hiện hành. Kết thúc năm tài chính, đã thực hiện báo cáo tài chính theo quy định và Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các hoạt động khuyến nông. Quyết định số 31/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật một số loại cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 về việc sửa đổi, bổ sung định mức một số loại cây trồng vật nuôi trên địa bàn tỉnh Kon Tum được ban hành kèm theo Quyết định số 31/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Công tác kế toán đã được kế toán đơn vị mở sổ sách, ghi chép và phản ánh kịp thời, chứng từ kế toán được sắp xếp, lưu trữ và bảo quản theo quy định.

- Đơn vị đã xây dựng và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị mình theo quy định hiện hành.

- Sổ sách kế toán gọn gàng, sạch sẽ. Số liệu của sổ sách kế toán các năm đảm bảo khớp đúng với số liệu tại báo cáo kế toán của đơn vị.

3.2. Nguồn kinh phí tự chủ năm 2020-2021:

Hồ sơ, chứng từ kế toán sắp xếp chưa khoa học, khó theo dõi.

3.3. Nguồn kinh phí không tự chủ năm 2020-2021:

**** Kết quả thực hiện các hoạt động mua sắm từ nguồn kinh phí không tự chủ:***

- Trung tâm Khuyến nông đã thực hiện đúng các quy định tại Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2013; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị xã hội…

- Trung tâm Khuyến nông có tổng số lượng cán bộ tham gia hoạt động đấu thầu 05, số lượng cán bộ có chứng chỉ, chứng nhận đã tham gia khóa học đấu thầu là 05, trong đó có 02 cán bộ được học về công tác đấu thầu qua mạng.

- Trong các năm qua, hồ sơ đấu thầu đã được Trung tâm Khuyến nông tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng đối với toàn bộ các gói thầu phát sinh tại đơn vị theo đúng quy định. Các gói thầu được công khai rộng rãi, mọi đối tượng có năng lực đều có thể tham gia đấu thầu; công tác xét, chấm được công khai minh bạch, thông báo kết quả đấu thầu công khai, minh bạch trên hệ thống đấu thầu quốc gia.

(Có phụ lục bảng tổng hợp danh mục các gói thầu từ năm 2020-2021 kèm theo)

a. Đối với Chi hoạt động khuyến nông thường xuyên năm 2021:

**** Chi phí quản lý Khuyến nông:***

Căn cứ theo quy định tại Công văn số 1960/SGTVT-QLKCHT ngày 16 tháng 11 năm 2015 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum; Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND, ngày 09/9/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành định mức sử dụng nhiên liệu và dầu mỡ phụ, Trung tâm Khuyến nông thanh toán không đúng theo thực tế, cụ thể như sau:

- Tại lệnh điều xe số 02/12, ngày 02/12/2021 đi xã Ngọc Lây, huyện Tu Mơ Rông: Thanh toán không đúng 30Km theo quy định: 30Km x 0,15 lít/km x 18.740 đồng/lít = 84.330 đồng.

- Tại lệnh điều xe số 19/11, ngày 19/11/2021 đi xã Đăk Plô, huyện Đăk Glei: Thanh toán không đúng 30 Km theo quy định: 30Km x 0,18 lít/km x 19.080 đồng/lít = 103.032 đồng.

- Tại lệnh điều xe số 05/10, ngày 05/10/2021 đi xã Măng Bút, huyện Kon Plông: Thanh toán không đúng 50 Km theo quy định: (40Km x 0,15 lít/km + 10 Km x 0,18 lít/km) x 17.870 đồng/lít = 139.386 đồng.

- Tại lệnh điều xe số 18/11, ngày 18/11/2021 đi xã Măng Bút, huyện Kon Plông: Thanh toán không đúng 30 Km theo quy định: 30 Km x 0,18 lít/km x 19.080 đồng/lít = 103.032 đồng.

- Tại lệnh điều xe số 30/7, ngày 30/7/2021 đi huyện Ia H'Rai: Thanh toán không đúng 100Km theo quy định: (50 Km x 0,15 lít/km x 50km x 0,18 lít/km) x 16.960 đồng/lít = 279.840 đồng.

- Tại lệnh điều xe số 17/6, ngày 17/6/2021 đi huyện Kon Plông: Thanh toán không đúng 30 Km theo quy định: 30 Km x 0,18 lít/km x 16.860 đồng/lít = 91.044 đồng.

- Tại lệnh điều xe số 24/12, ngày 24/12/2021 đi huyện Kon Plông, Kon Rẫy: Thanh toán không đúng 50 Km theo quy định: 50Km x 0,15 lít/km x 17.670 đồng/lít = 132.525 đồng.

- Tại lệnh điều xe số 07/12, ngày 07/12/2021 đi huyện Kon Plông: Thanh toán không đúng 50Km theo quy định: 50Km x 0,18 lít/km x 17.670 đồng/lít = 159.030 đồng.

- Tại lệnh điều xe số 10/12, ngày 10/12/2021 đi huyện Đăk Glei: Thanh toán không đúng 20Km theo quy định: 20 Km x 0,18 lít/km x 17.670 đồng/lít = 63.612 đồng.

- Tại lệnh điều xe số 10/6, ngày 10/6/2021 đi huyện Ia H'Rai: Thanh toán không đúng 100 Km theo quy định: (50 Km x 0,15 lít/km x 50km x 0,18 lít/km) x 16.860 đồng/lít = 278.190 đồng.

- Tại lệnh điều xe số 31/5, ngày 31/5/2021 đi huyện Đăk Glei: Thanh toán không đúng 50Km theo quy định: 50Km x 0,15 lít/km x 16.860 đồng/lít = 126.450 đồng.

- Tại lệnh điều xe số 03/6, ngày 03/6/2021 đi huyện Kon Plông: Thanh toán không đúng 70 Km theo quy định: 70Km x 0,18 lít/km x 16.860 đồng/lít = 212.436 đồng.

Tổng số tiền thanh toán vượt mức quy định: 1.772.907 đồng

*** Hồ sơ triển khai các mô hình:**

Hầu hết các mô hình khuyến nông năm 2021 đều triển khai thực hiện đúng quyết định phê duyệt dự toán chi tiết thực hiện chương trình khuyến nông năm 2021, đảm bảo tiến độ, đạt hiệu quả kinh tế kỹ thuật. Tuy nhiên, một số mô hình có số hộ tham gia nhiều, cán bộ kỹ thuật có đi kiểm tra và có biên bản kiểm tra nhiều đợt nhưng các biên bản kiểm tra chỉ có đại diện nhóm hộ ký tên cho tất cả các đợt kiểm tra là chưa khách quan.

c. Đối với hoạt động đối ngoại Lào năm 2020-2021:

Trung tâm Khuyến nông đã cử cán bộ kỹ thuật sang Lào để hướng dẫn kỹ thuật gieo ươm, chăm sóc cây cà phê tại Lào. Cán bộ kỹ thuật sang hướng dẫn đã chuẩn bị tài liệu, quy trình kỹ thuật và có biên bản làm việc về hướng dẫn kỹ thuật gieo ươm, chăm sóc cà phê tại Lào đầy đủ, đúng kỹ thuật.

d. Đối với Đề án Dược liệu năm 2020-2021:

- Trung tâm Khuyến nông đã cử cán bộ triển khai Đề án, phối hợp với cán bộ Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện; cán bộ nông nghiệp và Ủy ban nhân dân các xã có hộ dân tham gia Đề án.

- Trung tâm Khuyến nông cử cán bộ triển khai Đề án thực hiện nghiêm túc quy trình kỹ thuật trồng đẳng sâm đảm bảo theo yêu cầu. Mỗi xã triển khai Đề án đều có bản cam kết; Biên bản kiểm tra đánh giá đề án dược liệu; Biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ trồng dược liệu theo quy định.

**** Riêng việc thực hiện mô hình Đề án Dược liệu năm 2021- phần hồ sơ hạng mục: Chi phí quản lý đề án dược liệu:***

Theo quy định tại Công văn 1960/SGTVT-QLKCHT, ngày 16/11/2015 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum và theo Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND, ngày 09/9/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành định mức sử dụng nhiên liệu và dầu mỡ phụ. Số tiền thanh toán không đúng theo thực tế, cụ thể như sau:

- Tại lệnh điều xe số 26/4, ngày 25/4/2021 đi xã Văn Xuôi, huyện Tu Mơ Rông: Thanh toán không đúng 30Km theo quy định: (10Km x 0,15 lít/Km + 20Km x 0,18 lít/Km) x 15.060 đồng/lít = 76.806 đồng.

- Tại lệnh điều xe số 12/8, ngày 11/8/2021 đi xã Đăk Nhoong, huyện Đăk Glei: Thanh toán không đúng 100Km theo quy định: (50Km x 0,15 lít/Km + 50Km x 0,18 lít/Km) x 16.490 đồng/lít = 272.085 đồng.

- Tại chứng từ Lệnh điều xe số 24/8, ngày 23/8/2021 đi xã Văn Xuôi, huyện Tu Mơ Rông: Thanh toán không đúng 50Km theo quy định: (30Km x 0,15 lít/Km + 20Km x 0,18 lít/Km) x 16.490 đồng/lít = 133.569 đồng.

- Tại chứng từ Lệnh điều xe số 07/9, ngày 06/9/2021 đi xã Đăk Tăng, huyện Kon Plông: Thanh toán không đúng 70Km theo quy định: (40Km x 0,15 lít/Km + 30Km x 0,18 lít/Km) x 15.970 đồng/lít = 182.058 đồng.

- Tại chứng từ Lệnh điều xe số 09/9, ngày 09/9/2021 đi xã Văn Lem, huyện Đăk Tô: Thanh toán không đúng 50Km theo quy định: 50Km x 0,15 lít/Km x 15.970 đồng/lít = 119.775 đồng.

- Tại chứng từ Lệnh điều xe số 08/12, ngày 08/12/2021 đi xã Đăk Tăng, huyện Kon Plông: Thanh toán không đúng 30Km theo quy định: 30Km x 0,15 lít/Km x 17.920 đồng/lít = 80.640 đồng.

- Tại chứng từ Lệnh điều xe số 29/12, ngày 29/12/2021 đi huyện Đăk Glei: thanh toán không đúng 100Km theo quy định: (50Km x 0,15 lít/Km + 50Km x 0,18 lít/Km) x 17.920 đồng/lít = 295.680 đồng.

Tổng số tiền thanh toán vượt mức quy định: 1.160.613 đồng

B. KIỂM TRA, XÁC MINH THỰC TẾ

I. Địa điểm kiểm tra, xác minh:

- Huyện Kon Plông:

+ Năm 2021: Kiểm tra MH trồng Đẳng Sâm (Sâm dây) tại xã Măng Bút; Mô hình phòng chống đói rét cho đàn trâu bò tại xã Măng Bút.

- Huyện Kon Rẫy:

+ Năm 2021: Kiểm tra Mô hình trồng thâm canh Dứa CaYen có che phủ ni lông tại xã Đăk Tơ Lung.

- Huyện Sa Thầy:

+ Năm 2020: Kiểm tra MH trồng xen cây ăn quả trong vườn cà phê vối tại xã Ya Xier.

- Huyện Ia H D'rai:

+ Năm 2021: Kiểm tra MH trồng thâm canh cây mít giống mới tại xã Ia Đal, Ia Dom.

- Huyện Đăk Hà:

+ Năm 2021: Kiểm tra MH trồng chuối nuôi cấy mô (giống chuối tiêu hồng) tại Thị trấn Đăk Hà; Mô hình nuôi cá Rô phi ProGift trong ao tại xã Đăk Mar.

II. Kết quả kiểm tra, xác minh:

Căn cứ các biên bản kiểm tra, xác minh thực tế từ số 03-08/BB-ĐTT-QĐ652 của đoàn thanh tra về các điểm triển khai thực hiện mô hình, đoàn thanh tra nhận xét, đánh giá một số nội dung như sau:

- Các mô hình triển khai đúng theo quyết định phê duyệt chi tiết dự toán kinh phí thực hiện các hoạt động Khuyến nông các năm 2020, 2021, cụ thể số hộ

tham gia, quy mô triển khai, số lượng vật tư cấp phát, tổ chức tập huấn, tổng kết chi trả đúng chế độ đã được phê duyệt.

- Tại thời điểm thanh tra, đa số các mô hình triển khai thực hiện đã thu hoạch xong, đạt hiệu quả kinh tế, kỹ thuật được nông dân duy trì và nhân rộng như mô hình trồng chuối nuôi cấy mô (chuối tiêu hồng), nuôi cá Rô phi ProGift trong ao, mô hình trồng Đẳng sâm….Tuy nhiên có mô hình tại thời điểm kiểm tra, đạt hiệu quả kinh tế, kỹ thuật nhưng khả năng phát huy, nhân rộng mô hình cho các năm tiếp theo còn hạn chế như mô hình trồng mít giống mới (mít thái) do mức tiêu thụ và giá cả sản phẩm sau thu hoạch trên thị trường còn thấp, hiệu quả kinh tế không cao.

- Mô hình phòng chống đói rét cho đàn trâu bò vẫn còn một số hộ dân tham gia chưa quan tâm việc chăm sóc đồng cỏ trồng, nên tại thời điểm kiểm tra, diện tích cỏ trồng chưa được chăm sóc đúng quy trình kỹ thuật, có ít cỏ xanh tốt để hỗ trợ cho gia súc mùa đói rét.

PHẦN THỨ BA
KẾT LUẬN

Trên cơ sở những tài liệu do đối tượng thanh tra cung cấp và những tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình thanh tra, kết luận:

I. Ưu điểm:

- Việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí tự chủ, không tự chủ; công tác đấu thầu các gói thầu mua sắm: Cơ bản thực hiện đúng quy định pháp luật về kế toán, tài chính, đấu thầu.

- Lực lượng cán bộ, viên chức và người lao động hầu hết được đào tạo về công tác chuyên môn, nghiệp vụ cơ bản, phù hợp.

- Công tác khuyến nông của đơn vị trong những năm qua đã chuyển giao nhiều tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, tạo được độ tin cậy đối với nhân dân, được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng và tiếp nhận nhất là các tiến bộ kỹ thuật về giống cây, con mới.

- Đội ngũ cán bộ khuyến nông của đơn vị vừa có kinh nghiệm, vừa có sự chuyển tiếp, trẻ hóa nên hoạt động khuyến nông hàng năm thực hiện thuận lợi.

- Việc tổ chức thực hiện kết luận thanh tra, kiến nghị của kiểm toán đã được Trung tâm thực hiện nghiêm chỉnh, đúng quy định *(Công tác niêm yết, công khai kết luận thanh tra, họp cơ quan để nêu lên những tồn tại cần khắc phục; trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan cần rút kinh nghiệm cho những tồn tại đã nêu trong kết luận thanh tra, kiến nghị của kiểm toán)*.

- Chủ động xây dựng chương trình, tài liệu hướng dẫn khuyến nông; tổ chức tập huấn kỹ thuật, nghiệp vụ cho cán bộ, cộng tác viên khuyến nông các cấp và nông dân. Tổ chức hoạt động thông tin tuyên truyền về khuyến nông theo quy định của pháp luật.

II. Tồn tại:

- Hồ sơ, chứng từ kế toán sắp xếp chưa khoa học, khó theo dõi.

- Mô hình khuyến nông có số hộ tham gia nhiều, cán bộ kỹ thuật có đi kiểm tra và có biên bản kiểm tra nhiều đợt. Tuy nhiên, các biên bản kiểm tra chỉ có một đại diện nhóm hộ ký tên cho tất cả các đợt kiểm tra là chưa khách quan.

- Một số mô hình khuyến nông triển khai thực hiện đạt hiệu quả kinh tế, kỹ thuật nhưng chưa được phát huy và nhân rộng. Mô hình phòng chống đói rét cho đàn trâu bò vẫn còn một số hộ dân chưa quan tâm, chăm sóc đúng quy trình kỹ thuật diện tích cỏ trồng để hỗ trợ cho gia súc mùa đói rét.

Trách nhiệm này thuộc về Phòng kỹ thuật và chuyển giao công nghệ, thủ trưởng đơn vị và các cá nhân liên quan.

- Thanh toán không đúng tại một số chứng từ thanh toán về cự ly quảng đường, nhiên liệu theo quy định tại Công văn 1960/SGTVT-QLKCHT, ngày 16/11/2015 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum và theo Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND, ngày 09/9/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành định mức sử dụng nhiên liệu và dầu mỡ phụ.

Trách nhiệm này thuộc về kế toán, thủ trưởng đơn vị và các cá nhân liên quan.

PHẦN THỨ TƯ
KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

I. Giao Giám đốc Trung tâm Khuyến nông có trách nhiệm:

1. Tổ chức cuộc họp cơ quan:

- Thông qua kết luận thanh tra khi được Giám đốc Sở ký ban hành;

- Tiếp tục phát huy những kết quả, thành tích đã đạt được và kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, thiếu sót như đã nêu trên.

- Xây dựng Kế hoạch khắc phục khuyết điểm đã chỉ ra qua kết luận thanh tra.

- Nghiêm túc tổ chức họp rút kinh nghiệm đối với tổ chức, cá nhân có liên quan để xảy ra những sai sót, tồn tại nêu trên.

2. Chỉ đạo bộ phận kế toán và bộ phận chuyên môn:

- Bộ phận kế toán kiểm tra kỹ các hồ sơ, chứng từ, sắp xếp gọn gàng, khoa học.

- Phòng Kỹ thuật và chuyển giao công nghệ chỉ đạo viên chức chuyên môn kỹ thuật bám sát mô hình, vận động tuyên truyền để nông dân áp dụng đúng quy trình kỹ thuật chăm sóc, thu hoạch để tiếp tục phát huy hiệu quả kinh tế, kỹ thuật của mô hình trong các năm tiếp theo. Phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị, xã hội tuyên truyền vận động đối với các hộ dân trên địa bàn nhất là người dân tộc thiểu số khuyến khích, nhân rộng các mô hình.

- Chủ động tham gia tìm kiếm, tư vấn, liên kết với các doanh nghiệp đầu tư, chế biến, tiêu thụ tạo đầu ra cho sản phẩm, góp phần nâng cao giá trị kinh tế và nhân rộng mô hình.

3. Thu nộp ngân sách nhà nước:

- Nộp về tài khoản tạm giữ của Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số tiền nêu trên: 2.933.520 đồng. Làm tròn số: **2.934.000** đ *(Hai triệu, chín trăm ba mươi tư nghìn đồng chẵn)*.

Đơn vị có trách nhiệm thu đúng, thu đủ số tiền nêu trên từ các tổ chức, cá nhân vi phạm để nộp không được lấy bất kỳ nguồn kinh phí nào của đơn vị để nộp.

Đơn vị có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các kiến nghị nêu trên, phải hoàn thành chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày công bố kết luận thanh tra và báo cáo kết quả thực hiện (*Kèm theo các tài liệu chứng minh đã khắc phục theo quy định tại Nghị định số 33/2015/NĐ-CP)* về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum *(qua Thanh tra Sở)* bằng văn bản và qua địa chỉ Email thanhtrasnnkt@gmail.com để theo dõi, tổng hợp. Kể từ ngày nhận được kết luận thanh tra đã ký, đơn vị hoặc cá nhân có liên quan cho rằng kết luận này có một hoặc một số nội dung không đúng làm thiệt hại đến quyền lợi của tập thể hoặc cá nhân thì có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật. Nếu quá thời gian theo quy định của pháp luật, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum sẽ không giải quyết.

Trong quá trình khiếu nại *(nếu có);* đơn vị, tổ chức, cá nhân vẫn phải thực hiện đầy đủ, đúng các nội dung, thời gian nêu trên.

Đơn vị có trách nhiệm niêm yết công khai Kết luận thanh tra khi được ban hành tại trụ sở làm việc của Đơn vị mình trong thời gian 15 ngày liên tục theo quy định của Pháp luật về thanh tra.

II. Giao Thanh tra Sở:

Có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nội dung nêu trên của Trung tâm Khuyến nông.

Nơi nhận:
- Ban Nội chính tỉnh ủy;
- Thanh tra tỉnh;
- Ban Giám đốc Sở;
- Trung tâm Khuyến nông (t/hiện);
- Trang TTĐT của Sở;
- Lưu VT, TTra.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH KON TUM

Nguyễn Tấn Liêm

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC GÓI THẦU TỪ NĂM 2020 - 2021

(Đơn vị tính: Đồng)

STT	Tên gói thầu	Gía dự toán được phê duyệt		Hình thức đấu thầu	Giá trúng thầu phê duyệt		Đơn vị trúng thầu
		Giá dự toán	Số QĐ phê duyệt, cơ quan phê duyệt		Giá trúng thầu	Số QĐ phê duyệt, cơ quan phê duyệt	
I	**Năm 2020**	**504.000.000**			**473.760.000**		
1	Mua cây giống Sâm dây (đẳng sâm) thực hiện Đề án phát triển cây dược liệu năm 2020	504.000.000	433/QĐ- UBND, ngày 04/5/2020 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Kon Tum	Chào hàng cạnh tranh qua mạng	473.760.000	30/QĐ-KN, ngày 05/6/2020 của Giám đốc Trung tâm Khuyến nông	Cơ sở sản xuất và kinh doanh Nhân Phát
II	**Năm 2021**	**3.007.167.500**			**2.985.942.500**		
1	Mua vật tư nông nghiệp thực hiện các hoạt động khuyến nông năm 2021 của Trung tâm Khuyến nông	1.849.362.500	510/QĐ-UBND, ngày 10/6/2021 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Kon Tum	Chào hàng cạnh tranh qua mạng	1.843.482.500	23/QĐ-TTKN, ngày 05/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Khuyến nông	Cơ sở sản xuất và kinh doanh Nhân Phát
2	Mua vật tư nông nghiệp thực hiện chính sách hỗ trợ trồng cây dược liệu năm 2021 thuộc Đề án dược liệu của Trung tâm Khuyến nông	828.030.000	439/QĐ-UBND, ngày 21/5/2021 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Kon Tum	Chào hàng cạnh tranh qua mạng	814.140.000	20/QĐ-TTKN, ngày 11/6/2021 của Giám đốc Trung tâm Khuyến nông	Cơ sở sản xuất và kinh doanh Nhân Phát

3	Mua vật tư nông nghiệp thực hiện mô hình mẫu chăn nuôi phòng chống đói, rét cho đàn trâu, bò năm 2021	329.775.000	327/QĐ-STC ngày 29/11/2021 của Sở Tài Chính tỉnh Kon tum	Chào hàng cạnh tranh qua mạng	328.320.000	45/QĐ-TTKN, ngày 13/12/2021 của Giám đốc Trung tâm Khuyến nông	Cơ sở sản xuất và kinh doanh Nhân Phát
	TỔNG CỘNG	**3.511.167.500**			**3.459.702.500**		